**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**BIỆN PHÁP DẠY LẬP SỐ**

**Môn: Toán - Lớp 1**

**Năm học 2019 - 2020**

**UBND HUYỆN CẨM GIÀNG**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BIỆN PHÁP DẠY LẬP SỐ**

**Môn: Toán - Lớp 1**

**Tên tác giả: ...............................................**

**Đơn vị công tác**: **............................................**

**ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM SÁNG KIẾN**

...............................................................................................................................................

…...........................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

**TM. HỘI ĐỒNG**

**Năm học 2019 – 2020**

**UBND HUYỆN CẨM GIÀNG**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM GIÀNG**

**BIỆN PHÁP DẠY LẬP SỐ**

**Môn: Toán - Lớp 1**

**Tên tác giả: Nguyễn Thị Nụ**

**Đơn vị công tác**: **Trường Tiểu học Cẩm Giàng**

**ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM SÁNG KIẾN**

...............................................................................................................................................

…...........................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

**TM. HỘI ĐỒNG**

**Năm học 2019 - 2020**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1.** Tên sáng kiến: cách dạy “Lập số”Toán lớp 1

**2.** Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

Áp dụng trong giáo dục: dạy môn Toán lớp 1 đối với giáo viên cấp Tiểu học.

**3.** Tác giả:

Họ và tên: Nguyễn Thị Nụ - Nữ.

Sinh : Ngày 22 tháng 8 năm 1973

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Tiểu học.

Chức vụ: Phó hiệu trưởng.

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Cẩm Giàng - Cẩm Giàng - Hải Dương.

Số điện thoại: 0988 009 157.

**4.** Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:

- Trường Tiểu học Cẩm Giàng - Cẩm Giàng - Hải Dương.

- Điện thoại: 02203 789 145

**5.** Điều kiện áp dụng sáng kiến:

**-** Sáng kiến được áp dụng trong dạy lập số môn Toán lớp 1. Vận dụng cách dạy lập số vào việc hình thành số theo các vòng số từ 1 đến 100 và có thể áp dụng dạy lập số ở các vòng số tiếp theo ở các lớp tiếp theo.

- Được áp dụng đối với tất cả giáo viên tiểu học dạy văn hóa.

**6.** Thời gian áp dụng sáng kiến:

- Sáng kiến được áp dụng thử nghiệm từ năm học 2019-2020.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**  **Nguyễn Thị Nụ** | **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT**

TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Trong chương trình Toán Tiểu học, Toán lớp 1 có một vị trí đặc biệt. Nó hình thành bước đầu các kiến thức cơ bản từ việc lập số đến các phép tính: cộng, trừ các số trong phạm vi 10, trong phạm vi 20, 100. Trong đó việc lập số là một trong những biểu hiện ban đầu của sự vật đối với học sinh. Thông qua việc lập số học sinh sẽ thấy được nhiều mặt thực tế của cuộc sống hàng ngày có liên quan gắn bó và cần sự vận dụng của các số. Do đó các số thuộc số tự nhiên trong Toán học ở lớp 1, là cầu nối giữa các phép tính: cộng, trừ, nhân chia toán học với ứng dụng thực tế cuộc sống xã hội.

Trong thực tế giảng dạy, việc dạy lập số của giáo viên còn nhiều hạn chế. Về phía học sinh: Các em biết đếm, đọc, viết số, so sánh số nhưng đại đa số các em học sinh đọc, viết số còn sai, còn nhầm lẫn trong việc so sánh, nắm thứ tự các số trong dãy số, tìm số liền tr­ước, số liền sau, các số có một chữ số, các số có hai chữ số, chữ số …. Thậm chí có học sinh chưa cả biết đọc viết số.

Trước tình hình như vậy, trong việc dạy toán tôi đặc biệt chú trọng tới việc dạy hình thành số cho học sinh lớp 1 và tôi đắn đo suy nghĩ cần phải có cách dạy “Lập số” Toán lớp 1 để khắc phục, tháo gỡ những khó khăn nêu trên.

**2.** **Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến**

- Sáng kiến này áp dụng dạy Toán cho học sinh lớp 1 và được nghiên cứu tại trường Tiểu học nơi tôi công tác từ năm học 2019 - 2020, áp dụng dạy lập số theo các vòng số từ 1 đến 100 và có thể áp dụng dạy lập số ở các vòng số tiếp theo ở các lớp tiếp theo, áp dụng với tất cả giáo viên Tiểu học dạy văn hóa.

**3. Nội dung sáng kiến**

- Sáng kiến được nghiên cứu từ cơ sở lí luận của việc lập số trong các vòng số liên quan, từ thực trạng của việc dạy – học lập số trong phạm vi 100 đến kết quả thử nghiệm khi áp dụng sáng kiến.

- Điểm nổi bật của sáng kiến là hình thành *cách dạy lập số qua các vòng số:*

*+ Các số từ 1 đến 5:* thông qua việc đếm trực tiếp số lượng của các tập hợp có số đồ vật tương ứng.

*- Các số từ 6 đến 10:* đếm thêm 1.

*+Số chục và các số tròn chục:* Gộp 10 que tính rời lại thành 1 bó, từ đó nhận biết được 1 chục. Gộp các bó (1 chục) que tính để hình thành các số tròn chục.

*+ Các số có hai chữ số:* Gộp các bó que tính và các que rời.

*+Số 100:* được coi như số liền sau của 99.

Đây là điểm mới, điểm thành công trong việc thực hiện dạy lập số.

Sáng kiến này giúp cho giáo viên nắm chắc bản chất từng vòng số, hiểu được sự khác nhau của mỗi vòng số mà có cách dạy “ Lập số” ở từng vòng số một cách khác nhau. Đây là biện pháp hết sức đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng, không đòi hỏi sự nỗ lực cao của giáo viên và học sinh, không tốn kém về sức lực cũng như vật chất.

**4. Giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến**

Đây là biện pháp rất hiệu quả, khi áp dụng thử nghiệm sáng kiến cho thấy: học sinh hiểu bài, nắm chắc cấu tạo số, biết so sánh số, biết sắp xếp thứ tự số, biết cách tìm số liền trước số liền sau của một số. Nắm được các khái niệm như: số và chữ số, chục, các số tròn chục, số có một chữ số, số có hai chữ số, số lớn nhất có một chữ số, số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất có hai chữ số, số bé nhất có hai chữ số, số có hai chữ số giống nhau. Biết vận dụng kiến thức về các số đã học để làm tốt các dạng bài tập Toán 1, các bài toán nâng cao về số lớp1.

1. **Đề xuất kiến nghị.**

Từ sáng kiến này mà bản thân tôi mong muốn: tiếp tục nghiên cứu cách lập số trong các vòng số tiếp theo ở các lớp trên. Sáng kiến tiếp tục được đưa ra hội thảo trong tổ chuyên môn, hội thảo chuyên đề của trường cùng hội đồng khoa học trường phân tích, gọt rũa được triển khai áp dụng dạy đại trà trong toàn khối 1. Và đề nghị hội đồng khoa học cấp trên xét và triển khai rộng rãi việc áp dụng đến với các thầy giáo, cô giáo trong trường Tiểu học .

Tôi viết sáng kiến này muốn giới thiệu với bạn đọc, giúp bạn đọc, cũng như Quý thầy cô có trong tay cẩm nang quý giá để áp dụng trong dạy học Toán dạng

“ Lập số”. Mỗi việc làm, mỗi hoạt động tôi đưa ra, đây là ý tưởng giúp bạn đọc, Quý thầy cô dạy con em mình học Toán tốt hơn. Đó là công việc cần thiết trong sự nghiệp Giáo dục, rất mong các bạn tìm đọc, áp dụng trong dạy – học.

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**1. Hoàn cảnh nảy sinh**

**1.1. Lí do chọn sáng kiến**

Toán học có vị trí rất quan trọng vì kiến thức toán học có rất nhiều ứng dụng trong đời sống hàng ngày. Toán học đã cung cấp những tri thức khoa học, trang bị phương pháp, kĩ năng ban đầu về các hoạt động nhận thức. Trên cơ sở đó bồi dưỡng trí thông minh, sự sáng tạo cho các em, tạo điều kiện cho các em tiếp tục học lên lớp trên và vận dụng kiến thức tiếp thu được trong thực tế cuộc sống. Trong chương trình Toán Tiểu học , Toán lớp 1 có một vị trí đặc biệt. Nó hình thành bước đầu các kiến thức cơ bản từ việc lập số đến các phép tính cộng, trừ các số trong phạm vi 10, trong phạm vi 20, 100. Bước đầu học sinh biết giải, trình bày lời giải bài toán có lời văn. Có thể nói, trong chương trình Toán lớp 1, phần lập số chiếm một vị trí quan trọng. Việc lập số là một trong những biểu hiện ban đầu của sự vật đối với học sinh. Thông qua việc lập số học sinh sẽ thấy được nhiều mặt thực tế của cuộc sống hàng ngày có liên quan gắn bó và cần sự vận dụng của các số. Do đó các số thuộc số tự nhiên trong Toán học ở lớp 1, là cầu nối giữa các phép tính: cộng, trừ, nhân chia toán học với ứng dụng thực tế cuộc sống xã hội.

Từ việc lập số nói chung đến việc lập số từ 1 đến 100 nói riêng đã hình thành và rèn luyện các kỹ năng thực hành: kĩ năng đọc số, viết số, nhận biết vị trí, thứ tự và so sánh các số cho các em. Từ đó rèn cho các em tư duy suy luận lô gíc, tập dượt kĩ năng quan sát, óc tìm tòi sáng tạo. Cách*“*Lập số” rất quan trọng trong chư­ơng trình Toán 1, đồng thời nó xuyên suốt bậc Tiểu học. Cũng như­ bao môn học khác môn Toán đư­ợc đư­a vào dạy ngay từ đầu cấp học từ lớp 1 và cũng là một trong những môn quan trọng cần bồi d­ưỡng cho học sinh phát triển năng lực, không ngoài mục đích đào tạo các em trở thành những nhà toán học, nhà khoa học mà còn giáo dục các em trở thành những con ng­ười mới phát triển toàn diện, con ng­ười năng động sáng tạo, tự chủ thực sự để phù hợp với yêu cầu của thời đại mới, thời đại của khoa học thông tin kỹ thuật hiện đại như­ mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Trong thực tế giảng dạy, việc dạy lập số của giáo viên còn lúng túng, nhiều hạn chế, việc dạy còn mang tính áp đặt, dập khuôn máy móc, chưa làm rõ được bản chất của vấn đề, dẫn đến tình trạng đọc, viết “vẹt” ; kiến thức về các số lẫn lộn, học sinh chưa xác định được một cách tường minh. Về phía học sinh: Các em biết đếm, đọc, viết số, so sánh số nhưng đại đa số các em học sinh đọc, viết số còn sai, chưa nắm đựơc thứ tự dãy số tự nhiên từ 0 đến 100, chưa nắm được cấu tạo các số trong phạm vi 100, còn nhầm lẫn trong việc so sánh , nắm thứ tự các số trong dãy số, tìm số liền tr­ước, số liền sau, các số có một chữ số, các số có hai chữ số, *chữ số* và *số* …. Thậm chí có học sinh chưa cả biết đọc viết số.

Trước tình hình như vậy, trong việc dạy Toán tôi đặc biệt chú trọng tới việc dạy hình thành số cho học sinh lớp 1 và tôi đắn đo suy nghĩ cần phải có cách dạy“Lập số” Toán lớp 1 để khắc phục, tháo gỡ những khó khăn nêu trên.

## 1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Bước đầu có một số kiến thức cơ bản, đơn giản thiết thực về phép đếm, về hình thành các số trong phạm vi 100.

Hình thành và rèn luyện các kỹ năng thực hành, đọc đếm, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.

- So sánh, phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá trong phạm vi của những nội dung có nhiều quan hệ với đời sống thực tế của học sinh về quá trình lập số trong sách giáo khoa Toán 1.

**1.3. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu.**

- Với khuôn khổ của sáng kiến này, tôi xin được nêu ra cách dạy “Lập số” cho học sinh lớp1 ở trường Tiểu học nơi tôi công tác trong năm học 2019-2020.

- Để nghiên cứu thành công sáng kiến tôi sử dụng phương pháp:

+ Phương pháp điều tra thực trạng: Phỏng vấn , đàm thoại, dự giờ, khảo sát

+ Phương pháp tự nghiên cứu tài liệu.

+ Phương pháp thử nghiệm, phân tích tổng hợp và xử lý kết quả kết hợp với nghiên cứu lí luận và tổng kết đánh giá.

**2.Cơ sở lý luận của vấn đề**

**2.1.Nội dung chương trình các số trong môn Toán Tiểu học**

Thực tế khoa học cho thấy: Toán học là môn học công cụ góp phần phát triển nhân cách con người. Thực hiện nhiệm vụ của Toán học là truyền thụ tri thức, kĩ năng Toán học, kĩ năng vận dụng Toán học vào thực tiễn góp phần phát triển năng lực trí tuệ chung, giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đảm bảo chất lượng phổ cập, đồng thời chú trọng phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu về toán.

Nội dung chương trình “số” ở bậc Tiểu học được học từ lớp 1 đến lớp 4 trong đó:

+Trong chương trình sách giáo khoa 2000 Toán lớp 1, học sinh được học các số từ 1 đến 100 (học các số trong phạm vi 100).

+ Lên lớp 2: Toán 2 sẽ cung cấp cho học sinh các số từ 101 đến 1000 (học các số trong phạm vi 1000).

+Lớp 3: Học sinh được học các số từ 1001 đến 100 000 (học các số trong phạm vi 100 000).

+ Lớp 4: Học sinh dược học các số ở vòng số lớn hơn như: Lớp triệu, lớp tỉ.

+Và đến lớp 5 học sinh dược ôn lại các vòng số này.

Toàn bộ nội dung chương trình học số được sắp xếp rất khoa học, lô gíc. Nội dung chương trình được sắp đặt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, được nâng dần và khắc sâu hơn ở các lớp lớn. Riêng việc dạy lập số được giới thiệu ngay đầu năm học lớp 1. Nó nằm ngay chương đầu tiên trong chương trình Toán 1. Đầu tiên là các số 1, 2, 3, 4, 5 được học trong hai tiết bài mới và một số tiết luyện tập. Các số 6, 7, 8, 9 ……100 học sinh được học trong phần tiếp theo. Học xong kiến thức về bài mới này học sinh phải nắm được:

+Khái niệm ban đầu về số 1, 2, 3, 4, 5 …..100 ( Mỗi số là đại diện cho một lớp các nhóm các đối tượng có cùng số lượng).

+Học sinh biết đọc, viết, đếm các số từ 1 đến 5, từ 10 đến 20, từ 20 đến 100 và ngược lại.

+Nhận biết được số lượng các nhóm có 1, 2, 3, 4, 5 đồ vật, 10 đến 20….100 và thứ tự của các số trong bộ phận đầu của dãy số tự nhiên.

+ Nhận biết các số và sắp xếp theo thứ tự, biết so sánh các số.

Nội dung kiến thức về “Lập số” được thể hiện trong sách giáo khoa rất đơn giản, thông qua một loạt các hình vẽ từ cụ thể đến khái quát. Đặc biệt kiến thức trình bày trong sách giáo khoa không có gì khác ngoài các chữ số 1,2,3,4,5….10, 11, 12…..100 mà không một kênh chữ nào xuất hiện trong bài. Đây là điểm khó trong việc dạy lập số cho học sinh.

Mặc dù sách giáo khoa thể hiện như vậy nhưng ý đồ của sách rất đầy đủ.Từ một hình vẽ giản đơn là các sự vật gần gũi với cuộc sống đến hình con tính, chấm tròn....đã biểu thị số lượng các phần tử trong một tập hợp để hình thành số. Từ các hình vẽ biểu thị số phần tử của các tập hợp khác nhau đã giúp học sinh nắm được quan hệ thứ tự, vị trí các số trong dãy số tự nhiên. Từ đó hình thành trong các em việc so sánh, xếp thứ tự, tìm số đứng trước, số đứng sau.....trong dãy số tự nhiên.

Từ việc thể hiện kiến thức trong sách giáo khoa “ Thay kênh chữ bằng kênh hình” mà ý tưởng của bài học lại trọn vẹn đầy đủ, đòi hỏi người dạy cần khai thác, tìm tòi, cần chuẩn bị cho mình một vốn kiến thức nhất định nào đó mới có thể dạy được cho học sinh .

Từ lí do trên khiến giáo viên dạy gặp khó khăn. Do vậy rất cần thiết phải khắc phục, tìm ra cách dạy đảm bảo, mang tính khả thi.

**2.2.Các khái niệm**

a) Hình thành khái niệm

- *Các số từ 1 đến 5*: thông qua việc đếm *trực tiếp số lượng* của các tập hợp có số đồ vật tương ứng.

- *Các số từ 6 đến 10: đếm thêm 1* là hoạt động chủ yếu để giới thiệu số mới, theo nghĩa “số liền sau” (ngoại trừ số 0). Chẳng hạn, để hình thành số 6: yêu cầu học sinh lấy ra 5 hình tam giác; lấy thêm 1 hình tam giác; đếm tất cả số hình tam giác và nói:" Có tất cả 6 hình tam giác". Sau đó để củng cố nhận thức, cho học sinh quan sát các tranh minh hoạ trong sách (5 chấm tròn thêm 1 chấm tròn là 6 chấm tròn; 5 con tính thêm 1 con tính là 6 con tính). Qua việc quan sát tranh học sinh thấy được các tập hợp cùng có số lượng phần tử (là 6) và ghi lại số lượng của các tập hợp đó bằng chữ số 6.

- *Chú ý đến số 0*: cần làm cho học sinh thấy được số 0 cũng là một số chỉ số lượng của một tập hợp đặc biệt (không có phần tử nào). Đồng thời số 0 là số bé nhất trong dãy số đang học.

- *Số chục và các số tròn chục: Gộp 10 que tính rời lại thành 1 bó*, từ đó nhận biết được 1 chục. Gộp các bó (1 chục) que tính để hình thành các số tròn chục. Chẳng hạn để hình thành số 30, gộp 3 bó (mỗi bó 1 chục) que tính.

- *Các số có hai chữ số: Gộp các bó que tính và các que rời*. Chẳng hạn, để hình

thành số 13: gộp 1 bó que tính và 3 que rời; ghi lại số lượng đó bằng hai chữ số 1 và 3; đọc số vừa được hình thành "mười ba". Chú ý hướng dẫn học sinh đọc các số như: "hai mươi mốt" "năm mươi tư" và "bốn mươi lăm".

- *Số 100*: được coi như số liền sau của 99.

b) Đếm, đọc, viết các số đến 100

*Tập cho học sinh đọc số và viết các chữ số đúng dạng, đúng qui trình*. Cần hướng dẫn tỉ mỉ, sửa chữa các sai sót như viết ngược số, viết không đúng qui trình. Chú ý tập đếm thành thạo trong phạm vi 100. Thông qua việc tập đếm, học sinh biết cách xác định đúng số lượng của một tập hợp, từ đó hiểu được nghĩa thực của phép đếm và nắm được thứ tự, vị trí của từng số trong dãy số.

c) So sánh, sắp xếp các số theo thứ tự xác định

- Cho học sinh quan sát các tranh vẽ hoặc thao tác trên các mẫu vật để nhận biết thứ tự của các số; số liền trước, số liền sau; và cách so sánh các số.

d) Nhận biết bước đầu về cấu tạo thập phân; giá trị vị trí của các chữ số.

- Thông qua các hoạt động trực quan để nhận biết về các số chục và số đơn vị trong cấu tạo thập phân của các số có hai chữ số. Sử dụng cấu tạo thập phân của số và giá trị theo vị trí của các chữ số để so sánh các số có hai chữ số, để phân biệt sự khác nhau của từng cặp số trong các trường hợp như: 42 và 24; 36 và 56; 89 và 90….

**2.3. Thực trạng của việc dạy lập số ở lớp 1**

**2.3.1. Với học sinh:**

Học sinh lớp 1 là lớp đầu cấp, các em bắt đầu đến trường nên tâm lý vừa phấn khởi vừa háo hức lại vừa có tâm trạng sợ sệt, bước đầu các em làm quen với việc học các số trong phạm vi 100. Các em dễ nhớ, dễ quên chưa có phương pháp học tập, chưa có ý thức học tập, chưa hiểu rõ bản chất của dãy số tự nhiên trong phạm vi 100.

- Đọc, viết số còn sai.

- Nắm đựơc thứ tự dãy số tự nhiên từ 0 đến 100; cấu tạo các số trong phạm vi 100 chưa chính xác.

- Khả năng so sánh số, tìm số liền trước số liền sau, sắp xếp thứ tự các số còn nhiều hạn chế.

**2.3.2. Đối với giáo viên:**

Trong thực tế dạy học toán nói chung và dạy lập số nói riêng, giáo viên chỉ biết dựa vào sách hướng dẫn và sách giáo khoa mà hướng dẫn học sinh để rồi học sinh thuộc “vẹt” nhớ số, chứ ít có giáo viên thể hiện việc dạy một cách bài bản, tường minh như ý đồ sách giáo khoa được. Nên chăng, việc dạy “Lập số” ít nhiều ảnh hưởng của việc dạy học sinh học thuộc vẹt để nhớ số vẫn không tránh khỏi.

Để nắm chắc thực trạng của việc dạy “ Lập số” Toán lớp 1tôi trực tiếp trò chuyện, phỏng vấn, dự giờ, thăm lớp…ở một số giáo viên trực tiếp dạy lớp 1và trực tiếp dạy phần “Lập số” tôi thấy:

+Việc hướng dẫn, dẫn dắt học sinh tìm hiểu về số, giáo viên hiểu ý đồ sách giáo khoa còn hạn chế nhiều. Việc dạy học còn mang tính áp đặt, máy móc. Sách viết như thế nào thì giáo viên nói i sì như thế. Đại đa số giáo viên cho học sinh quan sát hình vẽ, đếm sự vật trong hình vẽ là bao nhiêu và nói số tương ứng rồi hướng dẫn viết số. Giáo viên cho học sinh đọc đi đọc lại nhiều lần số vừa hình thành và viết nhiều lần cho nhớ. Chứ việc nhận biết thứ tự, so sánh, xếp thứ tự, liên hệ gắn với thực tế đã mờ nhạt đi, ít giáo viên quan tâm đến. Thậm chí có phần nội dung kiến thức, giáo viên còn làm thay, làm hộ học sinh .

+Việc học sinh tiếp thu các số 1, 2, 3, 4, 5 , 6…..chỉ là do học sinh thuộc được khi học sinh đọc đi đọc lại nhiều lần, qua tiếp xúc nhiều từ mẫu giáo, chứ việc biết giá trị, thứ tự cũng như vị trí của các số để vận dụng vào xếp thứ tự các số trong dãy số tự nhiên thì học sinh chưa nắm được.

Cũng do tính thuộc vẹt của học sinh mà khi làm bài tập dạng:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 87 | 86 |  |  | 83 |

thì học sinh dưới lớp đã trả lời luôn: 1,2,3,4,5…. ; 83, 84, 85, 86….mà không hề biết số cần viết vào ô trống là số nào? Đó là số đứng trước hay số đứng sau số đã cho?

+ Cùng với việc dự giờ đó, tôi tiến hành khảo sát để tổng hợp những thông tin khách quan hơn. Và đây là kết quả đối chứng với khi áp dụng kinh nghiệm. Lớp đối chứng khảo sát là lớp 1A có các mặt tương đương với lớp áp dụng sáng kiến là lớp 1B .

Kết quả khảo sát như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | HS |  | | | | | | | | Ghi chú |
| 9 - 10 | | 7- 8 | | 5 - 6 | | 1- 4 | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |  |
| 1B | 30 | 3 | 10 | 7 | 23,3 | 13 | 43,4 | 7 | 23,3 |  |

Thông qua khảo sát tôi thấy: Việc điền số chưa đúng, đại đa số học sinh làm đúng theo yêu cầu viết số từ bé đến lớn. Trường hợp viết theo thứ tự ngược lại từ lớn đến bé thì học sinh viết sai.

Bài có sơ đồ ven, hầu như học sinh làm sai số. Bài đếm hình để viết số vẫn còn học sinh làm chưa đúng (7 em). Việc dẫn đến điều sai trên là do nguyên nhân:

-Trong khi dạy giáo viên chưa hiểu hết ý đồ sách giáo khoa.

- Bản chất của việc lập số giáo viên nắm còn hạn chế. Chưa gắn kiến thức với thực tế cuộc sống trong dạy học.

- Chưa thật sự quan tâm giúp đỡ học sinh trong quá trình dạy học.

- Học sinh học thuộc (thuộc vẹt). Vì vậy kiến thức đưa ra có thể có sẵn, xuôi chiều thì học sinh làm dược, khác đi một chút(kiến thức ngược chiều) là các em bó tay (Làm sai).

- Do trẻ mải chơi, vội vàng dẫn đến làm bài sai.

- Do tâm lý trẻ : Dễ nhớ nhưng nhanh quên. Do vậy kiến thức học trước quên sau. Vì thế, mà học sinh cũng làm bài sai.

Trước những thực trạng như vậy, việc tìm ra cách dạy “Lập số” nói chung, dạy “Lập số” Toán 1 nói riêng là cần thiết và quan trọng đối với người giáo viên Tiểu học, nhằm khắc phục thiếu sót nêu trên và nâng cao hiệu quả dạy học Toán.

**3. Các giải pháp thực hiện.**

Trước đây, việc dạy lập số nói chung, lập số Toán lớp 1 nói riêng, đó là một phần kiến thức trong toán Tiểu học, trong đó dạy “Lập số” Toán lớp 1 là mảng kiến thức thuộc phần đầu tiên trong chương trình Toán 1. Phần kiến thức này ít ai quan tâm đến (cả thầy và trò). Thầy cũng như trò đều cho rằng: Đó chưa phải là kiến thức trọng tâm, nó chỉ là các con số đơn giản, ai cũng biết, học sinh thuộc từ lớp Mẫu giáo, còn tính toán, giải toán mới là quan trọng. Bên cạnh đó, ý nghĩa và tầm quan trọng của con số này phục vụ cho việc tính toán, giải toán vô cùng lớn, đây lại là kiến thức cơ bản của học sinh lớp 1. Ngay từ ngày đầu đến trường, thầy cô vẽ cho học sinh những con số nào là do thầy. Mà những con số đó dược trang bị suốt cả cuộc đời của người học sinh, không chỉ trong học tập làm bài tập, tính toán, giải toán.....mà ngay cả trong tương lai các em học lên lớp trên, vận dụng vào thực tế cuộc sống của mỗi học sinh sau khi rời ghế nhà trường rất cần phải có nó. Do vậy, làm thế nào để giúp học sinh nắm được mạch kiến thức này một cách hiệu quả. Sau đây là sáng kiến dạy “Lập số”.

**3.1. Giới thiệu các số trực giác (các số từ 1 đến 5)**

Các số 1, 2, 3, 4, 5 là các số tự nhiên đầu tiên rất gần gũi với cuộc sống trẻ em. Bằng kinh nghiệm sống và quá trình học mẫu giáo, trẻ em 6 tuổi đã có biểu tượng đúng về các số 1, 2, 3, 4, 5 trước khi vào lớp 1. Trên thực tế, khi yêu cầu trẻ 5, 6 tuổi lấy 1 cái bát, 2 cái bát, 5 cái chén… thì nhiều em đã thực hiện công việc đó một cách dễ dàng. Thậm chí, khi cần so sánh số lượng ở 2 nhóm que tính, nhiều học sinh nói ngay được là 5 que tính nhiều hơn 2 que tính…. Mặc dù, các em chưa được giới thiệu về so sánh số. Điều đó chứng tỏ biểu tượng về số và so sánh số đã có rất sớm ở trẻ 6 tuổi. Có lẽ vì thế mà các số 1, 2, 3, 4, 5 được gọi là các số trực giác. Trong chương trình toán lớp 1 chỉ có 2 tiết giới thiệu về các số từ 1 đến 5. Nên khi dạy phần này tôi thường chú ý tới việc giới thiệu số với việc dạy viết các chữ số. Sau đó, tôi thường dẫn dắt các em lấy nhiều ví dụ cụ thể ở xung quanh lớp học, trong đời sống thực tế để học sinh có biểu tượng rõ hơn về số.

Ví dụ: Có 1 bảng lớp, lớp có 1 cô giáo, có 1 cửa ra vào, có 1 mặt trăng…

- Mỗi người có 2 tay, 2 mắt, 1 đôi dép có 2 chiếc, ….

- Xe xích lô có 3 bánh, xe đạp 3 bánh ở trẻ em, …

- Con trâu có 4 chân, ô tô có 4 bánh, …

- Bàn tay có 5 ngón tay, ngôi sao có 5 cánh, tổ em có 5 bạn, …

Từ những ví dụ cụ thể trên tôi thấy học sinh nắm chắc bài hơn và thực hành trong vở bài tập đúng hơn.

**a. Dạy số 1.**

-Trước tiên cho học sinh quan sát hình vẽ sách giáo khoa và đếm số hình vẽ có ở trong đó rồi trả lời câu hỏi

+ Trong tranh vẽ mấy con chim? (Tranh vẽ 1 con chim).

+ Trong tranh vẽ mấy bạn gái ? (Tranh vẽ 1 bạn gái).

+ Trên tờ bìa vẽ mấy chấm tròn ? (Trên tờ bìa vẽ 1 chấm tròn).

+ Hình vẽ có mấy hạt tính ? (Hình vẽ có 1 hạt tính).

+ Nhóm đồ vật có số lượng là mấy ? (Nhóm đồ vật có số lượng là 1).

- Giới thiệu số 1.

Dùng đồ dùng viết sẵn số 1 in, số 1 viết. Học sinh quan sát đọc số, lấy trong bộ đồ dùng thực hành chữ số, lấy các đồ vật có số lượng là 1 như: 1 hình vuông,1 hình tròn,1 hình tam giác,1 con tính.....

- Hướng dẫn viết chữ số 1bằng các hình thức: Viết bóng bằng tay, viết bảng con, viết bảng lớp, viết vở.

- Liên hệ.

+ Trong cơ thể em, em thấy bộ phận nào chỉ số lượng là 1?( 1 cái đầu, một khuôn mặt, 1cái mũi, 1 cái miệng, 1cái cằm, 1 cái chán.....).

+ Trong lớp học của em có vật nào chỉ số lượng là 1?(1 bảng đen, một bàn cô giáo, 1 ghế tựa, 1 đồng hồ treo tường, 1 ảnh Bác Hồ.....).

Sau khi dạy xong số 1 như vậy tương tự dạy tiếp số 2.

**b.Dạy số 2.**

-Trước tiên cho học sinh quan sát hình vẽ sách giáo khoa và đếm số hình vẽ có trong đó rồi trả lời câu hỏi.

+Trong tranh vẽ mấy con mèo ? (Trong tranh vẽ 2 con mèo).

+Trong tranh vẽ mấy bạn gái? (Trong tranh vẽ 2 bạn gái).

+Trên tờ bìa vẽ mấy chấm tròn? (Trên tờ bìa vẽ 2 chấm tròn).

+Hình vẽ có mấy hạt tính ? (Hình vẽ có 2 hạt tính).

+Nhóm đồ vật số lượng là mấy? (Nhóm đồ vật có số lượng là 2 ).

- Giới thiệu số 2.

+Dùng đồ dùng viết sẵn số 2 in, số 2 viết. học sinh quan sát đọc số, lấy trong bộ đồ dùng thực hành chữ số 2, lấy các đồ vật có số lượng là 2 như: 2 hình vuông, 2 hình tròn, 2 hình tam giác, 2 con tính,......

+Hướng dẫn viết chữ số 2 bằng các hình thức: Viết bóng bằng tay, viết bảng con, viết bảng lớp, viết vở.

- Liên hệ.

+Trên cơ thể em, em thấy bộ phận nào chỉ số lượng là 2?( 2 bàn tay, 2 bàn chân, 2 tai, 2 mắt......).

+2 chậu rửa, 2 quạt trần .....).

+Hai tay so với một tay thì hai tay nhiều hơn hay ít hơn một tay (Hai tay nhiều hơn một tay).

+ Hai quạt trần so với một quạt tường thì quạt nào nhiều hơn?(Quạt trần nhiều hơn).

+ Hai bạn học sinh sovới một bạn học sinh thì hai bạn học sinh nhiều hơn hay ít hơn? (Hai bạn học sinh nhiều hơn một bạn học sinh ).

+ Trong hai số : số 1, số 2 số nào có giá trị ít hơn thì đứng trước, số nào có giá trị nhiều hơn thì đứng sau. Vậy số nào đứng trước, số nào đứng sau? (Số 1 đứng trước số 2, số 2 đứng sau số1).

Từ việc dạy số 2 như trên đã giúp học sinh bước đầu nhận biết các số1; 2 về vị trí, thứ tự của chúng một cách dễ dàng, học sinh sẽ phân biệt chính xác vị trí của từng số, thứ tự của chúng. Đây cũng là cách dạy minh họa cho các số 3; 4; 5 tương tự.

**c. Dạy số 3.**

Dạy tương tự như dạy số 2 nhưng đến phần liên hệ cần liên hệ:

+Trong lớp học của em có vật nào chỉ số lượng là 3? (Một cái quạt có 3 cánh, học một buổi chiều có 3 tiết, một ngón tay có 3 đốt ......).

+ Ba cái quạt trần so với(2 cái quạt trần, 1 cái quạt trần) thì 3 cái quạt nhiều hơn ( 2 cái quạt trần, 1 cái quạt trần) hay ít hơn(2 cái quạt trần, 1 cái quạt trần)? (3 cái quạt trần nhiều hơn 2 cái quạt trần, 3 cái quạt trần nhiều hơn 1cái quạt trần).

+Vậy số 3 đứng sau số nào?(Số 3 dứng sau số 1; số 2).

+ Số 1 đứng trước số nào? (Số1 đứng trước số 2; số 3).

+ Đứng giữa số 1và số 3 là số nào?(Là số 2).

Như vậy học sinh đã nắm dược vị trí, thứ tự, nhận biết từng số từ số 1 đến số 3 và ngược lại từ số 3 đến số 1.

Sau khi học xong ba số này, để học sinh khắc sâu, dễ nhớ và lớp học sôi nổi hơn, giáo viên cùng học sinh hát bài “Một, hai, ba ”. Như thế học sinh bớt đi căng thẳng và tạo thêm sự thoải mái, hấp dẫn, hiệu quả khi học số.

Vì các số 1;2;3 được hình thành ngay trong một bài học do đó, khi dạy giúp học sinh hiểu dược giá trị, thứ tự, vị trí của từng số. Sau đo, giáo viên còn phải giúp học sinh vận dụng để làm các bài tập:

+ Dạng viết số vào ô trống, mà mỗi ô trống được vẽ sẵn một số hình nào đó(có thể là con vật, là đồ vật, là chấm tròn).

Ví dụ: - Dạng bài tập 2 trang 12 sách giáo khoa Toán 1.

- Dạng bài tập 3 trang 12 sách giáo khoa Toán 1.

- Dạng bài tập áp dụng sơ đồ ven như sau.

|  |  |
| --- | --- |
| Số? |  |

Sau mỗi dạng bài tập này giáo viên cần củng cố bản chất về số .

- Bài tập 2 trang 12 sách giáo khoa Toán 1: củng cố cho học sinh việc đếm số lượng vật, các con vật trong hình vẽ để ghi số đúng.

- Bài tập 3 trang 12 sách giáo khoa Toán 1 củng cố cho học sinh việc đếm số lượng chấm tròn trong ô vuông để viết số đúng và ngược lại củng cố giá trị của số cho học sinh . Chẳng hạn học sinh nhìn vào số chấm tròn ô hình vuông thứ nhất là học sinh sẽ điền dược ngay đó là số 1 vì có số lượng là 1. Tương tự các hình vuông tiếp theo cũng làm như vậy. Song trong ba số điền dược, giúp học sinh nhận biết vị trí của mỗi số 1;2;3. Số 1 được viết ở đâu so với số 2, số 3. Số 2 viết ở vị trí nào so với số 1, số 3. Số 3 được viết ở vị trí nào so với số 1, số 2.

Tiếp tục đến phần tiếp theo của bài tập này đã củng cố cho học sinh giá trị của số 3;2;1 để học sinh tự vẽ được số chấm tròn tương ứng.

- Hay dạng bài tập sử dụng sơ đồ ven cũng vậy. Giáo viên giúp học sinh hiểu được bản chất của vấn đề: Đếm số lượng phần tử trong tập hợp để ghi số tương ứng.

Ngoài ra, dạng bài tập biểu trưng hình thức toán tử phục vụ giúp học sinh hiểu bài rất chắc chắn, giáo viên nên vận dụng đưa vào như:

**Số?**

2

3

3

3

1

1

3 1

2 1

1 2 3

1

1 2

3 1

Từ bài tập đó giúp học sinh hiểu được: Điền vào ô trống số đó là vì sao? Nghĩa là “ viết được đúng số” là học sinh sẽ nắm được vị trí, thứ tự các số từ 1 đến 3, từ 3 đến 1.

- Viết đúng, đủ các số rồi giáo viên cho học sinh luyện đọc ngay trên các số của từng ô vuông, dùng bìa che lấp một trong các số của dãy ô đó và cho học sinh trả lời “ Số che đó là số nào? Hay số đứng sau số bị che đó là số nào? ...”.

- Việc luyện viết số được minh họa trong bài tập 1 Toán 1 trang 12. Ngoài ra giáo viên có thể cho học sinh luyện viết thêm trong vở li. Chú ý độ cao ở mỗi chữ số, khoảng cách các chữ số.

**d. Dạy số 4.**

\* Vì số 4 dược dược dạy sau số 1; 2; 3. Do vậy, khi dạy số 4 cần củng cố lại số 1; 2; 3 về bản chất của nó là đếm hình vẽ để lập số. Vì thế tranh vẽ sách giáo khoa vẫn giúp học sinh nhận ra điều đó bằng một loạt câu hỏi phỏng vấn học sinh để củng cố số 1; 2; 3.

- Tranh vẽ vẽ mấy ngôi nhà? (Tranh vẽ vẽ 1 ngôi nhà).

+ Nhóm đồ vật có số lượng là 1 dược ghi bằng số mấy?(Ghi bằng số 1).

- Tranh vẽ vẽ mấy ô tô? (Tranh vẽ vẽ 2 ô tô).

+ Nhóm đồ vật có số lượng là 2 dược ghi bằng số mấy ?( Ghi bằng số 2).

- Tranh vẽ vẽ mấy con nghê? (Tranh vẽ vẽ 3 con nghê).

+ Nhóm đồ vật có số lượng là 3 dược ghi bằng số mấy?(Ghi bằng số 3).

\* Học sinh sẽ đọc các số 1; 2; 3 trên, sau đó lập số 4 tương tự số 1; 2; 3.

- Hình vẽ vẽ mấy bạn gái? (Hình vẽ vẽ 4 bạn gái).

- Hình vẽ vẽ mấy kèn đồng? (Hình vẽ vẽ 4 kèn đồng).

- Tờ bìa vẽ mấy chấm tròn? (Tờ bìa vẽ 4 chấm tròn).

- Hình vẽ vẽ mấy hạt tính? (Hình vẽ có 4 hạt tính).

+ Nhóm đồ vật vừa quan sát có số lượng là mấy ? (Nhóm đồ vật đều có số lượng là 4).

\* Giới thiệu số 4.

+ Dùng đồ dùng viết sẵn số 4 in, số 4 viết .

+ Học sinh quan sát đọc số, lấy trong bộ đồ dùng thực hành chữ số 4, lấy các đồ vật có số lượng là 4 như : 4 hình vuông, 4 hình tròn, 4 hình tam giác, 4 con tính,....

+ Hướng dẫn viết chữ số 4 bằng các hình thức: Viết bóng bằng tay, viết bảng con, viết bảng lớp, viết vở.

\* Liên hệ.

Xung quanh em đồ vật nào có số lượng là 4? (Ghế tựa có 4 chân, cái bàn có 4 chân ...).

Vì số 4 và số 5 cùng dạy trong một bài nên đến đây giáo viên dạy luôn số 5 để tiện giúp học sinh nhận biết về hai số trong đó: về số lượng, về vị trí, thứ tự và quan hệ của chúng.

**e. Dạy số 5.**

Bước đầu lập số 5 tương tự như lập số 4 nhưng đến phần liên hệ giáo viên vận dụng sự liên quan gắn liền của số 5 với “5 ngón tay” rất gần gũi với học sinh . Vì vậy giáo viên liên hệ thực tế:

+ Trong cơ thể có bộ phận nào chỉ số lượng là 5 ?( Trong cơ thể có 5 ngón tay, 5 ngón chân).

+ Xung quanh em, đồ vật nào có số lượng là 5? ( 5 chấn song của một cửa sổ, 5 điều Bác Hồ dạy, một ngôi sao có 5 cánh, một Sao có 5 bạn......).

Để học sinh nắm chắc số 4, số 5 và củng cố được số 1; 2; 3 thì giáo viên cho học sinh luyện một loạt các bài tập dạng:

- Viết số như bài tập 1 trang 15 Toán 1.

- Bài tập 2 đếm số lượng vật để viết số.

- Dạng đếm số lượng hình vuông như sau để viết số.

**Số?**

4 2 1

1 3 4

- Cho học sinh đọc các số từ 1; 2; 3; 4; 5 và ngược lại từ 5; 4; 3; 2; 1. Nhất là trong dạng bài tập này, giáo viên cho học sinh nhận biết vị trí, thứ tự số 4, số 5 bằng cách: Hỏi về số lượng phần tử trong tập hợp.

- 4 ô vuông so với 3 ô vuông thì 4 ô vuông nhiều hơn hay ít hơn 3 ô vuông? (4 ô vuông nhiều hơn 3 ô vuông, 3 ô vuông ít hơn 4 ô vuông).

- Vậy số 4 đứng trước hay đứng sau số 3? Và ngược lại. (Số 3 đứng trước số 4, số 4 đứng sau số 3).

- 5 ô vuông so với 4 ô vuông thì 5 ô vuông nhiều hơn hay ít hơn 4 ô vuông? (5 ô vuông nhiều hơn 4 ô vuông, 4 ô vuông ít hơn 5 ô vuông).

- Vậy số 5 đứng trước số 4 hay đứng sau số 4? Số 4 Đứng trước số 5 hay đứng sau số 5? (Số 4 đứng trước số 5, Số 5 đứng sau số 4).

- Từ số 1 đến số 5 số nào tương ứng với số ô vuông ít nhất? Số nào tương ứng với số ố vuông nhiều nhấ?

- Vậy đứng đầu là chữ số nào trong các số 1; 2; 3; 4; 5? Đứng cuối cùng là chữ số nào trong các số 1; 2; 3; 4; 5?

- Hãy xếp các số 1; 2; 3; 4; 5 theo thứ tự từ bé đén lớn? Từ lớn đến bé?

-Từ dạng bài tập này học sinh sẽ nắm chắc chắn vị trí, thứ tự của chúng. Từ đó giáo viên đưa ra các bài toán như:

**Số?**

1

3

5

4

2

1

1

4

5

3

2

Hay dạng bài toán tử.

**Số?**

1 4

4 3 1

3 5

4 2

Học sinh sẽ điền đúng số và biết được số nào đứng trước số nào, số nào đứng sau số nào. Nghĩa là học sinh nắm chắc các số 1; 2; 3; 4; 5. Bằng nhiều bài tập khác nhau nhưng mấu chốt của vấn đề về số đó là việc đếm các vật,.... bằng trực giác thông qua số lượng của sự vật và các ví dụ liên hệ thực tế vận dụng, để học sinh nắm kiến thức chắc hơn.

Tuy nhiên, trong quá trình dạy - học, việc luyện các bài tập đó không chỉ luyện tập bằng hình thức: cá nhân làm bài tập, mà còn có thể tổ chức các trò chơi, câu đố vui, bài hát...tạo không khí học tập, kĩ năng của học sinh tốt hơn.

Sau khi học xong các số 1; 2; 3; 4; 5 giáo viên có thể liên hệ mang tính nâng cao hơn, đòi hỏi học sinh phải tư duy, suy luận (mức đơn giản) nghĩa là học sinh hiểu bài mới làm được. Đây cũng là hình thức củng cố bài tốt. Chẳng hạn giáo viên liên hệ:

+ Nhà bạn A có mấy người? Để ghi số người nhà bạn A dùng số mấy?

+ Nhà bạn B có mấy người? Để ghi số người nhà bạn B dùng số mấy?

+ Nhà bạn nào có số người nhiều hơn? Nhà bạn nào có số người ít hơn?

Học sinh hiểu bài, nắm chắc kiến thức thì học sinh mới trả lời đúng ý câu hỏi. Tức là học sinh phải biết đếm số người trong nhà mình, phải suy nghĩ số người nhà ai nhiều, nhà ai ít ? và nhận biết được số cần viết biểu thị cho số người là số nào?

Ví dụ 2: Chơi trò chơi khi dạy số 1; 2; 3; 4; 5.

- Dùng đồ dùng trực quan ghi sẵn từng số 1; 2; 3; 4; 5 xếp thứ tự các số từ 1 đến 5 và từ 5 đến 1. Các số được quay mặt số vào trong. Yêu cầu học sinh lên lật số theo yêu cầu đọc của cô giáo, giáo viên đọc số nào thì học sinh lật số đó, lật đúng số thì học sinh nắm bài tốt và ngược lại. Sau khi lật xong học sinh đọc các số lật được.

Ở đây, việc dạy các số 1; 2; 3; 4; 5 đã giúp học sinh bằng trực giác quan sát hình vẽ, đếm được số lượng các phần tử trong một tập hợp (số lượng các vật, sự vật) để hình thành các số 1; 2; 3; 4; 5. Đặc biệt kinh nghiệm cho học sinh nhận diện số để giúp các em biết đọc, viết số, biết vị trí của nó trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 5 và ngược lại từ 5 đến 1. Bước lập số ở đây là đưa ra tập hợp các phần tử để học sinh quan sát, đếm số lượng các phần tử, chứ không dùng cách thêm 1 vào số liền trước.

**3.2. Dạy các số từ 6 đến 10**

**3.2.1. Với các số từ 6 đến 10.**

Tôi hình thành cho học sinh theo cách thêm 1, như 5 thêm 1 được 6, 6 thêm 1 được 7, …

Làm tương tự như vậy tôi xây dựng cho học sinh các số 8,9,10.

- Khi dạy bài số 0 tôi vận dụng từ tình huống thực tế theo cách bớt dần từ 1 cho đến hết. Chẳng hạn tôi hướng dẫn học sinh quan sát tranh vẽ trong sách giáo khoa toán và nêu: Trong bình có 3 con cá, vớt ra 1 con cá thì bình còn mấy con cá? (1 con cá) vớt tiếp 1 con nữa thì trong bình còn mấy con cá? (Không còn con cá nào). Từ đó tôi nêu tiếp: Để chỉ trong bình không còn con cá nào ta dùng số: 0.

- Và như vậy tôi hướng dẫn học sinh nhận biết có mười chữ số để biểu diễn các số từ 0 đến 9. Đó là các số : 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và mười chữ số đầu này đều là số có một chữ số.

**3.2.2.Với việc dạy số 10:**

+ Số 10 được hình thành sau số 9: 10 bằng 9 thêm 1.

+ Số 10 được viết bởi 2 chữ số là chữ số 1 đứng trước và chữ số 0 đứng sau viết: 10

- Khi biểu diẽn số 10 tôi hướng dẫn học sinh sử dụng bộ đồ dùng toán bằng cách sử dụng chữ số 1 và chữ số 0 gắn cạnh nhau, 10 là số tự nhiên đầu tiên được biểu diễn thông qua các chữ số đã có. Bằng cách đó tôi lần lượt hướng dẫn học sinh biểu diễn các số tự nhiên thông qua 10 chữ số ban đầu. Từ đó tôi khắc sâu để học sinh hiểu:

Trong các số từ 0 đến 10 thì:

+ 0 là số tự nhiên bé nhất.

+ 9 là số có một chữ số lớn nhất.

+ 10 là số nhỏ nhất có hai chữ số.

**3.3. Dạy số “một chục”**

Trong cuộc sống một số đồ vật hoặc một số đối tượng thường được gộp thành một đơn vị mới.

Ví dụ: 5 ngón tay hợp thành một bàn tay: Như vậy “bàn tay” là đơn vị cao hơn ngón tay.

- 2 chiếc giày hợp thành một đôi giày. Đôi giày là đơn vị cao hơn chiếc giày. Ngày là đơn vị cao hơn giờ, năm là đơn vị cao hơn tháng, trường học cao hơn "lớp học”…

- Những đơn vị cao hơn được ra đời do nhu cầu của cuộc sống để có thể đếm và biểu diễn các số lớn hơn một cách tiện lợi hơn, đơn giản hơn .Vì vậy tên gọi giá trị của đơn vị hàng cao hơn bằng bao nhiêu đơn vị hàng thấp là do quy ước, chẳng hạn trong thực tế thì:

+ 1 đôi giày bằng 2 chiếc giày (cùng cỡ, cùng màu, một chiếc chân phải một chiếc chân trái).

+ 1 năm bằng 12 tháng, 1 tuần có 7 ngày,…

Vì vậy khi hình thành khái niệm “1 chục” tôi hướng dẫn học sinh qua các ví dụ cụ thể:

+ 10 que tính bó lại ta được 1 chục que tính.

+ 10 quả trứng gà ta nói 1 chục trứng

+ 10 cái bát ta nói có 1 chục cái bát.

+ 10 quả cam là 1 chục quả cam … để rồi dẫn dắt học sinh nêu được: 10 đơn vị bằng 1 chục.

- Như vậy “chục” là “đơn vị” hàng cao hơn đơn vị. Trong cuộc sống ta hay nói: mua hai chục trứng, mua một chục bát,…

- Về số lượng 10 đơn vị là 1 chục là bằng nhau nhưng khác nhau về bản chất khái niệm. “Chục” là đơn vị hàng cao hơn, được hình thành qua đơn vị, để rồi chục lại là cơ sở hình thành các số lớn hơn tiếp theo. Khái niệm “chục” ra đời mở đầu quá trình biểu diễn các số tự nhiên theo hệ thập phân tiếp theo ở lớp trên:

+10 đơn vị = 1 chục.(chữ số 1 chỉ một chục, chữ số 0 chỉ không đơn vị)

+10 chục bằng 100.

Để học sinh hiểu cứ 10 đơn vị ở hàng thấp làm thành 1 đơn vị ở hàng cao hơn liền nó. Mỗi số tự nhiên đều được biểu diễn qua 10 chữ số 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 , 6, 7 , 8 ,9. Như vậy tập hợp số tự nhiên ở tiểu học được biểu diễn theo hệ thập phân.

**3.4. Dạy các số từ 11 đến 100**

Ở phần này hình thành các số từ 11 đến 100 được chia làm 4 phần nhỏ.

**a.** Dạy các số tự nhiên từ 11 đến 19: Tôi hướng dẫn học sinh hình thành theo cách:

Lấy 1 chục gộp với một số (từ 1 đến 9)

Ví dụ + 1 chục và 1 đơn vị gọi là 11, viết là 11.

+ 1 chục và 2 đơn vị gọi là mười hai, viết là 12.

+ 1 chục và 9 đơn vị gọi là mười chín, viết là 19…..

**b.** Dạy các số tròn chục: Thông qua các chục, tôi dẫn dắt học sinh bằng ví dụ như:

+ 2 chục là hai mươi, viết là 20.

+ 3 chục là ba mươi, viết là 30.

…………………………………..

+ 9 chục là chín mươi, viết là 90.

**c.** Dạy các số từ 21 đến 99: Với các số này, tôi hình thành cách nêu số chục và số đơn vị: Ví dụ: 2 chục và 3 đơn vị là hai mươi ba, viết là 23.

+ 3 chục và 1 đơn vị là ba mươi mốt, viết là 31.

+ 9 chục và 9 đơn vị là chín mươi chín, viết là99.

**d.** Khi dạy số 100 tôi hướng dẫn học sinh sử dụng tia số để nêu được số liền sau số 99 là 100, đọc là một trăm.

**e.** Khi dạy về tia số, tôi hướng dẫn học sinh hiểu: Tia số là sự biểu diễn các số trên tia theo nguyên tắc:

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14...

+ Các điểm trên tia số được cách đều nhau một khoảng cách bằng nhau và mỗi điểm trên tia số ứng vối một số.

+ Số 0 ứng với điểm gốc của tia.

+ Số 1 đứng sau (bên phải) của số 0, tương tự như vậy thì số 2 đứng sau số 1,… số 11 đứng sau số 10…

- Tôi hướng dẫn nhìn vào tia số ta thấy số 0 là số bé nhất đứng ở đầu tia số; số 1 đứng liền sau số 0, số 2 đứng liền sau số 1 … số 11 đứng liền sau số 10, … Ngược lại số 0 đứng liền trước số 1, số 1 đứng liền trước số 2, …

- Cũng trên tia số tôi cho học sinh nhìn thấy hình ảnh trực quan về thứ tự các số trên tia số, từ trái sang phải các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Tương tự tôi cũng yêu cầu học sinh học nhìn vào tia số để có thể so sánh các số. *chẳng hạn:*

+ 12 đứng trước 20 nên 12 < 20 hay 20 > 12.

+ 38 đứng sau 29 nên 38 > 29 hay 29 < 38.

- Như đã nêu ở trên: Đối với các số 10, 20, 30 , …., 90 là các số tròn chục.

+ Số liền sau 99 là 100.

Nếu theo cách nêu ở các số tròn chục thì các số: 20, 30, …, 90 không được hình thành như là một số liền sau của 19, 29, ..., 89. Vì số 100 không được hình thành như một số tròn chục.

- Tuy nhiên tôi hướng dẫn học sinh có thể coi số 20, 30, …,90 là số liền sau của 19, 29, .., 89.

- Nhờ quan sát trên tia số hoặc có thể lập theo cách:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 20 = 10 +10  = 10 +9 +1  = 19 +1 | hoặc 30 = 20 +10  = 20 + 9 +1  = 29 +1 | |
| - Từ đó ta có thể nêu: tương tự như trên thì: | | 100 = 99 + 1  = 90 + 9 + 1  = 90 + 10  = 9 chục + 1chục  = 10 chục |

- Từ đó để học sinh tự rút ra được: **100 = 10 chục**

- Khi dạy về cấu tạo thập phân của số tự nhiên tôi thường dẫn dắt học sinh theo các câu hỏi gợi ý sau:

Số 25 có mấy chữ số? (hai chữ số).

Số 25 gồm mấy chục và mấy đơn vị? (gồm 2 chục và 5 đơn vị).

Từ câu gợi ý trên học sinh sẽ tự nêu được:

25 = 20 + 5 từ cấu tạo đó học sinh nêu được cách đọc số là: Hai mươi lăm(2 là số chục, 5 là đơn vị).

Để học sinh nắm chắc hơn về cách đọc số 5 ở hàng đơn vị trên tôi đưa ra câu hỏi: “Tại sao em đọc là “Hai mươi lăm’’ mà không đọc là “Hai mươi năm”? nhằm kiểm tra lại kiến thức cũ học sinh đã học (bài này đã học ở phần hình thành số 15 tiết 71).

Do đó học sinh dễ dàng trả lời được chữ số 5 khi đứng ở hàng đơn vị thì đọc là “năm” ( Ví dụ: 5 đọc là *năm*).

- Còn số 5 đứng ở hàng đơn vị mà ở hàng trước nó là các số từ 1 đến 9 thì đọc là “ *lăm*” (Ví dụ: 35 đọc là *Ba mươi lăm* )

- Từ đó học sinh nêu được 100 gồm 10 chục ( chữ số 0 bên phải chỉ hàng đơn vị: 10 là số chỉ hàng chục nên 10 chục = 100.

- 100 là số có 3 chữ số đầu tiên mà học sinh lớp 1 được học trong đó chữ số 1 là chỉ hàng trăm chữ số 0 đứng liền sau số 1 chỉ 0 chục, chữ số 0 bên phải chỉ 0 đơn vị.

- **Chú ý** : Để đạt hiệu quả cao trong quá trình hình thành các số từ 0 đến 100 giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh: Nhận biết được số lượng, thứ tự, biết đọc, viết, đếm, các số từ 0 đến 100. Đặc biệt phải hướng dẫn cho học sinh tập đếm, đếm để hình thành, củng cố biểu tượng về số. Giáo viên có thể cho học sinh đếm từ 1 đến 5, từ 1 đến 20; đếm "lùi" từ 5 (10, 20…..100) về 1; đếm theo chục từ 10 đến 100 và ngược lại từ 100 về 10. Dạy đếm dễ thực hiện, tổ chức như một trò chơi. Cho học sinh tập đếm làm cho lớp học vui, học sinh hào hứng mà hiệu quả dạy toán cao. Mặt khác việc tập đếm còn giúp học sinh củng cố thứ tự các số, đồng thời bước đầu hình thành biểu tượng về các phép tính. Việc đếm trong sách giáo khoa đề cập chưa nhiều nhưng biết đếm rất quan trọng để học tính. Tập đếm là cơ sở các phép tính, nếu học sinh biết đếm thành thạo thì dễ dàng tiếp thu và nắm vững các phép tính sau này. Chẳng hạn, với học sinh có điều kiện hoặc khi học phép tính , giáo viên có thể hướng dẫn hoặc tổ chức cho học sinh tập đếm cách 2 từ 0 đến 20(0, 2, 4, 6, 8,.....): đếm "lùi" cách 2 từ 20 về 0(20,18,16,14,12,...); đếm cách 3, cách 5 từ 0 đến 30,50,....

**Tóm lại:** Để giúp các em học tốt được môn toán 1 cần rèn cho các em kỹ năng đếm, đọc, viết, so sánh, nắm chắc cấu tạo, sắp xếp thứ tự số trong phạm vi 100.

**4. Kết quả**

Sau khi đã dạy thử nghiệm tại lớp 1B ở trường của tôi công tác, tôi đã ra một đề toán khảo sát các dạng bài tập: viết số, điền số, nhận biết thứ tự, vị trí các số, sắp xếp các số từ 1 đến 10. Kết quả như sau:

Bài khảo sát như bài khảo sát của lớp 1B đối chứng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | HS | Đạt điểm | | | | | | | | Ghi chú |
| 9 - 10 | | 7- 8 | | 5 - 6 | | 1- 4 | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |  |
| 1B | 30 | 17 | 56,7 | 10 | 33,3 | 3 | 10,0 | 0 | 0 |  |

Từ kết quả trên và qua bài làm của học sinh, tôi thấy 100% học sinh làm bài đúng về đọc, viết đúng các số trong phạm vi 100. Học sinh nắm chắc cấu tạo số, biết so sánh số, biết sắp xếp thứ tự số, biết cách tìm số liền trước số liền sau của một số. Nắm được các khái niệm như: số và chữ số, chục, các số tròn chục, số có một chữ số, số có hai chữ số, số lớn nhất có một chữ số, số bé nhất có một chữ số, số lớn nhất, bé nhất có hai chữ số, số có hai chữ số giống nhau. Biết vận dụng kiến thức về các số đã học để làm tốt các dạng bài tập Toán, các bài toán nâng cao về số lớp 1.

Trong bài kiểm chứng không có học sinh nào đạt dưới điểm 5. Các em viết số đúng, đẹp, bài tập đếm, viết số theo sơ đồ ven, theo thứ tự các số, dạng toán tử, kể cả các bài viết số theo chiều xuôi và ngược lại học sinh không bị nhầm lẫn. Đặc biệt kết quả làm bài của học sinh, nhiều em đạt điểm tối đa. Đây là kết quả tin cậy sau khi áp dụng sáng kiến dạy “Lập số”. So với lớp 1A khi chưa đưa sáng kiến dạy “Lập số” tôi thấy kết quả hơn hẳn rõ rệt. Đây là kết quả dáng khích lệ và đó cũng là thành công của tôi khi dạy “Lập số” góp phần đổi mới phương pháp dạy học môn toán nhằm nâng cao hiệu quả dạy học toán trong nhà trường.

Về phía bản thân tôi, tôi thấy giáo viên nhiệt tình trong giảng dạy, tích cực trao đổi kinh nghiệm học hỏi. Giáo viên tranh luận chuyên môn sôi nổi, đề cao tinh thần học hỏi. Chuyên môn của giáo viên nâng lên rất nhiều.

**5.Lời bình**

Cách dạy “ Lập số” trình bày ở trên, đã bám sát vào mục tiêu bài dạy, ý đồ sách giáo khoa, giúp học sinh bằng trực giác quan sát hình vẽ, đếm được số lượng các vật, sự vật (số lượng các phần tử trong một tập hợp) để hình thành các số trong phạm vi 100. Sau đó cho học sinh nhận diện các số này là số in hay số viết để giúp các em biết đọc, viết số, biết được vị trí, thứ tự của nó trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 100 và ngược lại từ 100 đến 1. Do một trong các số này gắn với số lượng các bộ phận trên cơ thể người như: 1 mũi, 1 cằm, 1 đầu... 2 mắt, 2 tai, 2 tay, 2 chân...3 đốt ngón tay trên một bàn tay, 5 ngón tay, 5 ngón chân...mà bước lập số trong sáng kiến này đã vận dụng một cách triệt để. Đây là những ví dụ rất gần gũi và quen thuộc và dễ hiểu đối với học sinh.

Việc lập số ở đây được tiến hành theo phương thức: dạy cuốn chiếu. Giáo viên hướng dẫn lập được số nào thì hoàn thiện số đó cả về khâu đọc, viết và vị trí của số đó trong dãy số tự nhiên. Hết số này mới chuyển sang số khác. Trong quá trình dạy, giáo viên đã phối hợp các phương pháp dạy hợp lý, lô gíc từ bước lập số đến bước đọc, viết số. giáo viên đã sử dụng phương pháp trực quan kết hợp với vấn đáp tạo ra tình huống để học sinh nắm được kiến thức. Đặc biệt sáng kiến đã đưa ra việc khéo léo sử dụng các phương pháp luyện tập thực hành, trò chơi, thay đổi các hình thức dạy học một cách linh hoạt thông qua các bài tập để thực hành, củng cố khắc sâu kiến thức cho học sinh. Thậm chí một bài hát đưa ra đến việc liên hệ cụ thể gắn với các bộ phận trên cơ thể người và những người trong gia đình... đã làm tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn lòng hăng say học tập của học sinh.

Vậy thông qua việc dạy đó đã giúp học sinh hiểu sâu nắm chắc kiến thức, biết áp dụng vào thực tế cuộc sống. Quá trình dạy đã rèn chú ý rèn kĩ năng cho học sinh: đọc số, viết số, nhận biết thứ tự, vị trí từng số một cách chính xác. Đồng thời học sinh hăng say, hứng thú học tập, tự giác độc lập suy nghĩ, phát huy cao trí tuệ học tập ở học sinh.

Cách dạy “Lập số” Toán 1 đã dược nghiên cứu, chắt lọc kĩ càng theo hướng đổi mới. Sau mổi lần thử nghiệm đã dược giáo viên nhà trường rút kinh nghiệm và có những kết lận mang tính khẳng định: “ Đây là cách dạy hiệu quả, cách tiến hành hoàn toàn theo hướng đổi mới”. Từ cách dạy lập số này đã hình thành vốn kiến thức về phương pháp dạy lập số nói chung, cách dạy lập số trong Toán 1 nói riêng đối với giáo viên dạy văn hoá cấp Tiểu học.

**6. Bài học kinh nghiệm**

- Thực tế qua việc nghiên cứu giảng dạy, qua dự giờ một số giáo viên và qua thử nghiệm ở lớp 1, tôi thấy rằng: Để giúp giáo viên, học sinh trong dạy- học toán nói chung và dạy học toán dạng lập số nói riêng trước tiên:

- Người giáo viên cần nắm chắc bản chất từng vòng số, cần năng động sáng tạo không lệ thuộc một cách máy móc vào sách hướng dẫn, không máy móc theo một qui trình nào vì mỗi vòng số được hình thành một cách khác nhau: Vòng số 1; 2; 3; 4; 5 dược hình thành thông qua việc đếm trực tiếp số lượng của các vật tương ứng; Các số từ 6 đến 9 được hình thành trên cơ sở đếm thêm 1......Vì vậy, trong quá trình hướng dẫn học sinh cần giúp học sinh nắm chắc bản chất, cái gốc cơ bản của vấn đề. Từ đó học sinh hiểu bài vận dụng vào bài làm tốt hơn.

- Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần thay đổi hình thức tổ chức dạy học phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, giáo viên lựa chọn hệ thống phương pháp dạy- học phù hợp với đặc trưng của từng vòng số: Số có một chữ số, số có hai chữ số, số tròn chục...

- Khi hướng dẫn học sinh lập số nói chung và lập số trong Toán lớp1 nói riêng cần phải hướng dẫn học sinh đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Từ “Đếm” đến “Nhận biết” đến “Đọc, viết” các số và thứ tự, vị trí của từng số, bước đầu có thể tự so sánh các số giữa chúng.

- Trong quá trình hướng dẫn, giáo viên không được làm thay học sinh mà phải hướng dẫn, khắc sâu được bản chất của các số “ Số lượng phần tử của tập hợp” và đây cũng là cách để tránh học sinh học vẹt nhớ số.

- Giáo viên cần có kiến thức chắc chắn, hiểu rõ bản chất của việc lập số, đồng thời hiểu được tâm lý học sinh mà tạo ra bầu không khí học tập thoải mái, nhẹ nhàng phát huy được tính độc lập, tự giác, kích thích óc tò mò sáng tạo, tránh áp đặt đối với học sinh.

7. **Điều kiện áp dụng**

Để sáng kiến áp dụng có hiệu quả cần các điều kiện:

+ Giáo viên và học sinh phải có đầy đủ sách giáo khoa và sách tham khảo, vở bài tập Toán. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ dùng dạy- học (dưới dạng tập hợp các phần tử) để phục vụ bài dạy như: Vật thật, hình vẽ, tranh ảnh....; học sinh có bộ thực hành Toán 1.

+ Giáo viên có kiến thức chắc chắn về số, nắm vững nội dung phương pháp giảng dạy. Cần đầu tư thời gian để nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, nắm chắc ý đồ của sách để xây dựng thiết kế bài dạy hiệu quả.

+ Giáo viên cần tổ chức lớp: Học tập có nền nếp, tạo tâm lý thoải mái, tự tin, hứng thú. Trong giờ học nên xen kẽ nội dung giải trí, xây dựng tiết học “nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả”.

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Cách dạy “Lập số” Toán 1 đã giúp học sinh hiểu sâu nắm chắc kiến thức, biết áp dụng vào thực tế cuộc sống. Quá trình dạy đã giúp học sinh biết đọc đếm, viết, so sánh các số trong phạm vi 100. Đã rèn chú ý rèn kĩ năng: đọc số, viết số, nhận biết thứ tự, vị trí từng số, so sánh một cách chính xác. Học sinh biết phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá trong phạm vi của những nội dung có nhiều quan hệ với đời sống thực tế của học sinh về quá trình lập số trong sách giáo khoa Toán 1. Đồng thời học sinh hăng say, hứng thú học tập, tự giác độc lập suy nghĩ, phát huy cao trí tuệ học tập ở học sinh.

Cũng trong sáng kiến này đã chỉ ra được cách dạy “Lập số” theo từng vòng số cụ thể:

*- Các số từ 1 đến 5:* thông qua việc đếm trực tiếp số lượng của các tập hợp có số đồ vật tương ứng.

*- Các số từ 6 đến 10:* đếm thêm 1.

*- Số chục và các số tròn chục:* Gộp 10 que tính rời lại thành 1 bó, từ đó nhận biết được 1 chục. Gộp các bó (1 chục) que tính để hình thành các số tròn chục.

*- Các số có hai chữ số:* Gộp các bó que tính và các que rời.

*- Số 100:* được coi như số liền sau của 99.

Như vậy cách dạy “Lập số” đã đi từ thực tế để hình thành kiến thức về số cho học sinh, giúp học sinh bằng trực giác quan sát hình vẽ, đếm được số lượng các vật, sự vật (số lượng các phần tử trong một tập hợp), đếm thêm 1, gộp 10 để thành một chục …để hình thành các số trong phạm vi 100. Đặc biệt sáng kiến đã đưa ra việc khéo léo sử dụng các phương pháp luyện tập thực hành, trò chơi, thay đổi các hình thức dạy học một cách linh hoạt thông qua các bài tập để thực hành, củng cố khắc sâu kiến thức cho học sinh. Từ sáng kiến này giúp cho giáo viên nắm chắc bản chất từng vòng số, hiểu được sự khác nhau của mỗi vòng mà có cách dạy “Lập số” ở từng vòng số một cách hiệu quả.

Cách dạy “Lập số” Toán 1 đã dược nghiên cứu, chắt lọc kĩ càng theo hướng đổi mới. Sau mổi lần thử nghiệm đã dược giáo viên nhà trường rút kinh nghiệm và có những kết luận mang tính khẳng định: “Đây là cách dạy hiệu quả, cách tiến hành hoàn toàn theo hướng đổi mới”. Từ cách dạy lập số này đã hình thành vốn kiến thức về phương pháp dạy lập số nói chung, cách dạy lập số trong Toán 1 nói riêng đối với giáo viên dạy văn hoá cấp Tiểu học.

**2. Khuyến nghị.**

Dưới góc độ nghiên cứu độc lập, kết hợp với sự giúp đỡ của hội đồng nhà trường cùng tập thể giáo viên, học sinh nơi tôi công tác. Từ kinh nghiệm này, tôi xin mạnh dạn đề xuất:

+ Sáng kiến này được đưa ra hội thảo trong tổ chuyên môn, hội thảo chuyên đề của trường cùng hội đồng khoa học trường phân tích, thống nhất được triển khai áp dụng dạy đại trà trong toàn khối 1 để đánh giá rút kinh nghiệm, nâng cao mức độ hoàn hảo của sáng kiến và đánh giá hiệu quả sau khi áp dụng sáng kiến.

+ Từ sáng kiến này tôi xin đề nghị hội đồng khoa học cấp trên xét và triển khai rộng rãi việc áp dụng đến với các thầy giáo, cô giáo trong các trường Tiểu học để sáng kiến được thử nghiệm, gọt rũa trở thành sáng kiến có giá trị áp dụng trong quá trình dạy học.

+ Sau sáng kiến này, tôi xin được tiếp tục nghiên cứu liền mạch đối với các vòng số tiếp theo trong các năm học tới.

+ Phòng giáo dục cũng như các trường Tiểu học tổ chức chuyên đề về cách dạy “Lập số” ở các vòng số khác nhau. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như thiết bị dạy học đủ, đảm bảo cho việc dạy - học lập số. Mở rộng phong trào viết sáng kiến, bình chọn sáng kiến hay đưa vào áp dụng để giáo viên có điều kiện tham gia trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Đặc biệt, Phòng giáo dục nên mời chuyên gia hướng dẫn bổ sung kiến thức về số để giáo viên học tập.

Trên đây là sáng kiến dạy “Lập số” Toán 1. Việc lập số như vậy đã giúp học sinh hiểu sâu và nắm chắc kiến thức; biết chắc chắn vị trí, thứ tự của mỗi số trong dãy số tự nhiên; biết vận dụng vào thực tế cuộc sống. Cách dạy như vậy đã chú ý rèn được cho học sinh: kĩ năng đọc; viết số; nhận biết thứ tự , vị trí từng số một cách chính xác; đồng thời học sinh hăng say, hứng thú học tập, tự giác, độc lập suy nghĩ, phát huy cao trí tuệ học tập ở học sinh .

Trong quá trình nghiên cứu sáng kiến, được sự giúp đỡ tạo điều kiện của ban giám hiệu, sự cộng tác của giáo viên, học sinh khối 1 nơi tôi công tác, cùng sự nghiên cứu độc lập có kế hoạch của cá nhân tôi. Sáng kiến này đã hình thành vốn kiến thức về phương pháp dạy dạy “Lập số” nói chung, cách dạy “Lập số” nói riêng trong Toán 1 đối với giáo viên dạy văn hoá lớp 1. Sáng kiến này được áp dụng trong đơn vị nơi tôi công tác đạt hiệu quả, được đánh giá cao, tạo nên sự thành công ban đầu. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu sáng kiến, không thể tránh khỏi những thiếu sót khác mà góc độ bản thân tôi chưa nhìn thấy được. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học, của bạn bè đồng nghiệp để sáng kiến của tôi được sâu sắc, đầy đủ và được triển khai áp dụng rộng rãi trong bậc học.

*Tôi xin trân trọng cảm ơn.*

**PHẦN PHỤ LỤC**

**1. BÀI KHẢO SÁT**

**1.** **Số?**

**2.** **Số?**

5 7

1 3 4

8 6

5 2

**3.Số?**

2

**4.a)** Khoanh vào số lớn nhất. 1, 5, 8, 6, 2.

**b)** Khoanh vào số bé nhất. 9, 7, 1, 8, 5.

**5.** Tự viết các số đã học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 |  |  | 5 |  |  |  |  |

**6. Số?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 3 |  |  | 9 |

**2. THIẾT KẾ BÀI DẠY**

**BÀI 8:** **CÁC SỐ 1, 2, 3, 4, 5.**

**I Mục tiêu.**

+ HS có khái niệm ban đầu về số 4;5.

+ Biết đọc, viết các số 4;5; Biết đếm các số từ 1 đến 5; từ 5 đến 1.

+ Nhận biết số lượng các nhóm có từ 1 đến 5 đồ vật và thứ tự của mỗi số trong dãy số 1;2;3;4;5.

**II Đồ dùng dạy - học.**

- Mỗi chữ số 5;5 dược viết sẵn trên một tờ bìa( số 4 in, số 4 viết, số 5 in, số 5viết).

- Các nhóm đồ vật cùng loại có đến 5 đồ vật.

- Bảng phụ vẽ sẵn hình vuông trang 14 SGK.

- Phiếu học tập in sẵn mẫu hình vuông trang 14SGK và bài tập 3 trang 15.

- HS có bộ đồ dùng học toán lớp 1.

**III Hoạt động dạy - học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy.** | **Hoạt động học.** |
| **1.** Ổn định tổ chức | - CTH ĐTQ: báo cáo tình hình lớp. |
| **2.** Ôn lại kiến thức cũ.  - Nhận lớp- nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ đã giáo như thế nào?  - Ôn lại kĩ năng viết.  - Ôn lại kiến thức trong bài tập.  -Nhận xét, đánh giá động viên học sinh.  **3. Bài mới.**  **Hoạt động 1:** Lập số 4, đọc ,viết số 4.  - Tranh vẽ vẽ mấy ngôi nhà?  - Nhóm đồ vật có số lượng là 1 được ghi bằng số mấy?  - Tranh vẽ vẽ mấy ô tô?  Nhóm đồ vật có số lượng là 2 được ghi bằng số mấy?  - Tranh vẽ vẽ mấy con nghê?  Nhóm đồ vật có số lượng là 3 được ghi bằng số mấy?    +Hình vẽ vẽ mấy bạn gái?  +Hình vẽ vẽ mấy kèn đồng?  +Tờ bìa vẽ mấy chấm tròn?  +Hình vẽ có mấy hạt tính?  -Nhóm đồ vật vừa quan sát có số lượng là mấy?  \*Giới thiệu số 4.  -Dùng đồ dùng viết sẵn số 4 in, số 4 viết.  -Hướng dẫn học sinh viết số 4 trên bảng.  -Hãy tìm xung quanh em có đồ vật nào có số lượng là 4?  **Hoạt động 2:**Lập số 5, đọc viết số 5.  +Hình vẽ vẽ mấy máy bay ?  +Hình vẽ vẽ mấy cái kéo?  +Hình vẽ vẽ mấy chấm tròn?  +Hình vẽ có mấy hạt tính?  - Nhóm đồ vật vừa quan sát có số lượng là mấy?  \*Giới thiệu số 5.  -Dùng đồ dùng viết sẵn số 5 in, số 5 viết.  - Số vừa ôn tập là số nào? Số vừa học là số nào?  - Ghi bảng : Bài 8 Các số 1,2,3,4,5.  \*Chơi trò chơi. ” Nhanh mắt nhanh tay”.  + Đưa bảng phụ vẽ sẵn hình vuông như trang 14 sách giáo khoa.  + Phát phiếu nêu yêu cầu trong phiếu.  + Nhận xét đánh giá bài làm của học sinh.  **Hoạt động 3:** Nghỉ giải lao giữa tiết.  + Trong cơ thể em bộ phận nào chỉ số lượng là 5? Bộ phận nào chỉ số lượng là 2?  + Xung quanh em có đồ vật nào chỉ số lượng là 5? Là 4? Là 3? Là 2? Là 1?  - Giáo viên chỉ:  + 5 ô vuông so với 4 ô vuông thì số ô vuông nào nhiều hơn? số ô vuông nào ít hơn?  + Số 5 đứng trước hay đứng sau số 4?  + Các số viết lần lượt như thế nào?  **Hoạt động 4:** Luyện tập.  + Hướng dẫn viết dòng số 4, số 5.  + Quan sát, uốn nắn, giúp đỡ học sinh tiếp thu chậm, viết xấu, viết ẩu…  + Nhận xét, chữa bài cho học sinh .  **Bài 2.**  Chia nhóm: 3 nhóm.  -Phân công giao nhiệm vụ cho từng nhóm.  -Kiểm tra kết quả của từng nhóm.  **Bài 3:** Chơi trò chơi.  Tìm số “ Điền nhanh và điền đúng”.  - Chia lớp : 2 đội .  - Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng học sinh .  **Hoạt động 5:** Củng cố bài học.  - Dùng đồ dùng ghi sẵn các số 1;2;3;4;5 xếp theo thứ tự từ 1 đến 5 và từ 5 đến 1. Các số này được quay mặt vào trong.  -Kiểm tra các số học sinh lật được.  \*Liên hệ.  -Nhà bạn A có mấy người?  -Nhà bạn B có mấy người?  -Nhà bạn nào có số người nhiều hơn?  -Nhà bạn nào có số người ít hơn?  -Nhận xét, sửa sai cho học sinh  **4.Hướng dẫn tự học.**  -Tự tập viết số 4;5, tập đếm các số từ 1 đến 5, từ 5 đến 1.  - Tự học bài tập 4. | - TBHT điều hành – các bạn trong lớp trả lời cá nhân  - Bài toán hôm trước các bạn học bài gì?  - Tìm nhóm đồ vật có số lượng là 1? Nhóm đồ vật có số lượng là 2? Nhóm đồ vật có số lượng là 3?  + Trong phòng học có nhóm đồ vật nào có số lượng là 1? có số lượng là 2? có số lượng là 3 ?  \* Các bạn khác trả lời:  + Trong phòng học có 1 cái bảng, 1cái bàn của cô giáo.  + Có 2 bóng đèn tuýp, có 3 dãy bàn...  - Kiểm tra đọc.  Đọc các số 1;2;3 và ngược lại.  - Gọi bạn nhận xét.  + Viết số 1;2;3.  + 2 học sinh lên bảng viết số thích hợp vào ô trống.  + Tranh vẽ vẽ1 ngôi nhà.  +Nhóm đồ vật có số lượng là 1 được ghi bằng số 1.  +Tranh vẽ vẽ 2 ô tô.  +Nhóm đồ vật có số lượng là 2 được ghi bằng số 2.  +Tranh vẽ vẽ 3 con nghê.  +Nhóm đồ vật có số lượng là 3 được ghi bằng số 3.  -1học sinh lên bảng viết số 1;2;3 đồng thời 1học sinh khác lên bảng nhặt trong bộ đồ dùng toán số 1; 2; 3.  Lớp viết bảng con số 1; 2; 3.  - Đọc số vừa tìm được.  \*Quan sát tiếp hình vẽ sách giáo khoa.  +Hình vẽ vẽ 4 bạn gái.  +Hình vẽ vẽ 4 kèn đồng.  +Tờ bìa vẽ 4 chấm tròn.  +Hình vẽ 4 hạt tính.  - Nhóm đồ vật vừa quan sát có số lượng là 4.  + Quan sát số 4, đọc số 4.  + Lấy trong bộ đồ dùng chữ số 4.  +Lấy các vật có số lượng là 4: 4 chấm tròn, 4 hình vuông, 4 tam giác, 4 que tính...  + Viết bóng số 4 bằng tay.  +Viết bảng con số 4.  - Cái bàn có 4 chân, ghế tựa có 4 chân...  +Hình vẽ vẽ 5 máy bay .  +Hình vẽ vẽ 5 cái kéo.  +Hình vẽ vẽ 5 chấm tròn.  +Hình vẽ có 5 hạt tính.  -Nhóm đồ vật vừa quan sát có số lượng là 5.  + Quan sát số 5, đọc số 5.  + Lấy trong bộ đồ dùng chữ số 5.  +Lấy các vật có số lượng là 5 như: 5 chấm tròn, 5 hình vuông, 5 tam giác, 5 que tính...  + Viết bóng số 5 bằng tay.  +Viết bảng con số 5.  - Ôn tập các số 1; 2; 3. Học các số 4;5.  - Nhắc lại tên đầu bài.  - Chia lớp thành hai đội , mỗi đội cử một bạn lên đếm số ô vuông ở từng cột và điền số ô vuông vào ô trống cho thích hợp, các bạn dưới lớp làm tương tự như 2 bạn làm trên bảng vào phiếu của mình.  + Đọc số 1; 2; 3; 4; 5.  5; 4; 3; 2; 1.  -Hát bài “1; 2; 3”; “ Mời bạn cùng chơi”.  -Tập bài thể dục chống mệt mỏi.  + 5 ngón tay, 5 ngón chân, 2mắt, 2 tay...  +5 đIều Bác Hồ dạy, ghế có 4 chân, có 4 tuýp đèn, có 1 ảnh Bác Hồ, có 1 bảng, có 3 cánh quạt trên một quạt...  + 5 ô vuông nhiều hơn 4 ô vuông, 4 ô vuông ít hơn 5 ô vuông, .  + Số 5 đứng trước số 4, số 4 đứng sau số 5.  + Được viết: 1;2;3;4;5.  + Mở sách giáo khoa, quan sát bài 1( viết số 4;5)  + Nêu cách để vở, cách cầm bút, tư thế ngồi viết…  +Viết bài.  - Nhóm 1: Quan sát và điền số ở tranh vẽ qửa và tranh vẽ áo.  -Nhóm 2: Nhiệm vụ như nhóm 1 đối với tranh vẽ cây dừa và tranh vẽ quả to.  -Nhóm 3: Nhiệm vụ như nhóm 1 đối với tranh vẽ ô tô và tranh vẽ chậu hoa.  -Nhóm nào hoàn thành nhiệm vụ trước sẽ tham khảo yêu cầu của nhóm bạn.  -Quan sát tiếp trong phiếu học tập bài 3 in sẵn.  - Mỗi đội cử đại diện 1 bạn lên tìm số và điền. Đội nào tìm nhanh và điền đúng thì đội đó được thưởng.(ở dưới lớp thực hiện vào phiếu học tập).  - Học sinh lên lật số theo cô giáo đọc. giáo viên đọc số nào thì học sinh lật số đó. Lật đúng số thì học sinh nắm bài tốt và ngược lại.  - Đọc các số từ 1 đến 5 , từ 5 đến 1.  Trả lời và tự so sánh, học sinh khác nhận xét sửa sai cho bạn. |

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

+Chuẩn kiến thức kĩ năng toán 1

+ Phương pháp dạy các môn học ở lớp 1

+ Phương pháp dạy học Toán Tiểu học;

+ Mục tiêu dạy học môn Toán 1- sách giáo viên.

+ Toán 1- sách giáo khoa.

+ Một số tài liệu khác.

#### MỤC LỤC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục** | **Nội dung** | **trang** |
| Phần 1 | Tóm tắt nội dung sáng kiến | 5 |
| Phần 2 | Mô tả sáng kiến | 7 |
| **1** | **Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến** | **7** |
| 1.1 | Lí do chọn sáng kiến | 7 |
| 1.2 | Mục tiêu nghiên cứu | 8 |
| 1.3 | Phạm vi và phương pháp nghiên cứu. | 8 |
| **2** | **Cơ sở lý luận của vấn đề** | **9** |
| 2.1 | Nội dung chương trình các số trong môn Toán Tiểu học | 9 |
| 2.2 | Các khái niệm | 10 |
| 2.3 | Thực trạng của việc dạy lập số ở lớp 1 | 11 |
| **3** | **Các giải pháp thực hiện** | **13** |
| 3.1 | Giới thiệu các số trực giác (các số từ 1 đến 5) | 14 |
| 3.2 | Dạy các số từ 6 đến 10 | 21 |
| 3.3 | Dạy số “một chục” | 23 |
| 3.4 | Dạy các số từ 11 đến 100 | 23 |
| 4 | Kết quả | 26 |
| 5 | Lời bình | 27 |
| 6 | Bài học kinh nghiệm | 28 |
| 7 | Điều kiện áp dụng | 29 |
|  | **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ** | **30** |
| 1 | Kết luận | 30 |
| 2 | Khuyến nghị | 31 |
|  | **PHẦN PHỤ LỤC** | 33 |
| 1 | Bài khảo sát | 33 |
| 2 | Thiết kế bài dạy : Bài 8 - Các số 1, 2, 3, 4, 5 | 34 |
| 3 | Tài liệu tham khảo |  |